

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Thông tư 09). Thông tư này thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi tắt là Thông tư 36)

BIỂU MẪU 01
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở Nhà trẻ. - Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân.	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi . -Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục đào tạo. Thực hiện theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT	- Thực hiện theo chương trình giáo dục mầm non của Bộ giáo dục đào tạo. Thực hiện theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-

	ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. <u>* Phát triển thể chất:</u> - Phát triển một số tố chất vận động ban đầu (nhạy, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. <u>* Phát triển nhân thức:</u> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, gần gũi quen thuộc <u>* Phát triển ngôn ngữ:</u> - Nghe hiểu được các yêu	BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. <u>* Phát triển thể chất:</u> - Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. <u>* Phát triển nhân thức:</u> - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán chú ý ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. <u>* Phát triển ngôn ngữ:</u> - Có khả năng lắng nghe,
--	--	---

	câu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. <u>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình.	hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. <u>* Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội:</u> - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy định ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi. <u>* Phát triển thẩm mỹ:</u> - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
--	--	--

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<u>* Mức độ về năng lực:</u> - Trẻ tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh bằng các giác quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Trẻ có khả năng bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi - Trẻ nói một vài đặc điểm nổi bật của các đối tượng quen thuộc, lấy và cất đồ dùng theo yêu cầu <u>* Mức độ về hành vi:</u> - Trẻ biết lễ phép chào hỏi và cảm ơn - Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ - Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	<u>* Mức độ về năng lực:</u> - Trẻ có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau: + Mô tả nhận xét trò chuyện và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau của các đối tượng. + Thể hiện hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội <u>* Mức độ về hành vi:</u> - Trẻ có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: + Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình và nơi công cộng + Biết lễ phép, chú ý lắng nghe, chờ đến lượt, biết cùng trao đổi với bạn và giải quyết mâu thuẫn.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	<u>* Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</u> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 744 -800 Kcal/ngày tại trường. - Trẻ được theo dõi sức	<u>* Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</u> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 800-924 Kcal/ngày tại trường. - Trẻ được theo dõi sức

	khỏe hàng tháng: cân đo và chấm biểu đồ tăng trưởng hàng tháng. - Khám sức khỏe định kỳ: 1 lần/năm - Tẩy giun: 2 lần/năm - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. <u>* Giáo dục</u> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi. - Tổ chức tốt môi trường hoạt động: + Phòng lớp thẩm mỹ thân thiện đáp ứng mục đích giáo dục + Các khu vực bố trí phù hợp linh hoạt, có phòng hoạt động âm nhạc, phòng thể chất + Sân chơi rộng rãi và sắp xếp khoa học thiết bị chơi ngoài trời + Có đầy đủ đồ chơi ngoài trời..... + Trường trồng nhiều cây xanh + Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng xã hội.	khỏe hàng quý: cân đo và chấm biểu đồ tăng trưởng hàng quý. - Khám sức khỏe định kỳ: 1 lần/năm - Tẩy giun: 2 lần/năm - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. <u>* Giáo dục</u> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi. - Tổ chức tốt môi trường hoạt động: + Phòng lớp thẩm mỹ thân thiện đáp ứng mục đích giáo dục + Các khu vực bố trí phù hợp linh hoạt, có phòng hoạt động âm nhạc, phòng thể chất + Sân chơi rộng rãi và sắp xếp khoa học thiết bị chơi ngoài trời + Có đầy đủ đồ chơi ngoài trời..... + Trường trồng nhiều cây xanh + Môi trường giáo dục đảm bảo an toàn tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển tốt các kỹ năng xã hội.
--	--	--

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024



Nguyễn Thủy Trang

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

BIỂU MẪU 02
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Mẫu giáo				
			19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	196	16	21	32	42	85
1	Số trẻ em nhóm ghép						
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày						
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	196	16	21	32	42	85
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	196					
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	196					
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	196					
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	196	16	21	32	42	85
1	Số trẻ cân nặng bình thường	384		56	86	136	105
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân						
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	196	16	21	32	42	85
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi						
5	Số trẻ thừa cân -béo phì	12			1	4	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	196	16	21	32	42	85
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	37	16	21			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	159			32	42	85

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TUỆ ĐỨC
Nguyễn Thủy Trang

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

BIỂU MẪU 03
Công khai thông tin cơ sở vật chất
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	12	Số m2/trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m2)	1,896 m ²	9,7 m ² /1trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m2)	480 m ²	2,4 m ² /1trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m2)	NT: 90 m ² MG: 350 m ²	NT: 2,4 m ² /1trẻ MG: 2,2 m ² /1trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m2)	NT: 90 m ² MG: 405 m ²	NT: 2,4 m ² /1trẻ MG: 2,5 m ² /1trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m2)	NT: 24 m ² MG: 126 m ²	NT: 0,6 m ² /1trẻ MG: 0,8 m ² /1trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m2)	480 m ²	2,4 m ² /1trẻ
6	Diện tích phòng thể chất (m ²)	50 m ²	
7	Diện tích phòng nghệ thuật hoặc phòng đa năng (M ²)	45 m ²	
5	Diện tích nhà bếp và kho (M ²)	62 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12 bộ	
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	12 bộ	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	- Cầu trượt đơn: 2 cái - Cầu thang bằng: 1 cái - Thang leo (5 loại): 10 cái - Bộ vận động đa năng 93 loại): 4 cái - Cột ném bóng: 10 cái	Số bộ/ sân chơi (trường)

		- Xe đạp chân (2 loại):12 cái				
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)		Máy vi tính: 5 Laptop: 14			
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)				Số thiết bị/nhóm (lớp)	
1	Ti vi		13			
2	Nhạc cụ (Đàn oorgan, ghi ta, trống)		14			
3	Máy photo		2			
5	Cassette					
6	Đầu Video/đầu đĩa					
7	Thiết bị khác		Máy chiếu: 1			
8	Bàn ghế đúng quy cách		240 bộ			
9	Thiết bị khác...		Âm ly: 2 bộ Camera quan sát: 14 cái			
..						
		Số lượng (m2)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	12		x		NT: 0,6 m ² /1trẻ MG: 0,8 m ² /1trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..	...		

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON TUỆ ĐỨC

8

Nguyễn Thị Hằng

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

Nguyễn Thùy Trang

BIỂU MẪU 04

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38			17	8	1	12				
I	Giáo viên	24			15	8	1					
1	Nhà trẻ	4			3	1						
2	Mẫu giáo	20			12	7	1					
II	Cán bộ quản lý	2			2							
1	Hiệu trưởng	1			1							
2	Phó hiệu trưởng	1			1							
III	Nhân viên	12						12				
1	Nhân viên văn thư	1										
2	Nhân viên kế toán	1										
3	Thủ quỹ	0										
4	Nhân viên y tế	1										
5	Nhân viên khác	9						12				

Thủ Đức, ngày 19 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
TUỆ ĐỨC
Nguyễn Thùy Trang